

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.212.661.675	71.478.808.394
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	295.560.044	7.387.598.485
1. Tiền	111		295.560.044	7.387.598.485
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	20.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.379.601.300	41.742.909.116
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.980.386.950	17.740.920.225
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	14.899.214.350	23.986.534.346
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	-	15.454.545
IV. Hàng tồn kho	140	11	42.679.264.006	21.482.802.634
1. Hàng tồn kho	141		42.679.264.006	21.482.802.634
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.858.236.325	865.498.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	304.086.861	339.926.773
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.554.149.464	525.571.386
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.145.232.571	5.883.353.946
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.000.000	25.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	25.000.000	25.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.847.590.130	5.465.068.632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.380.685.434	4.998.163.936
- Nguyên giá	222		8.816.969.341	8.725.160.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.436.283.907)	(3.726.996.314)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	466.904.696	466.904.696
- Nguyên giá	228		466.904.696	466.904.696
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	12.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		272.642.441	393.285.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	272.642.441	393.285.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		101.357.894.246	77.362.162.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

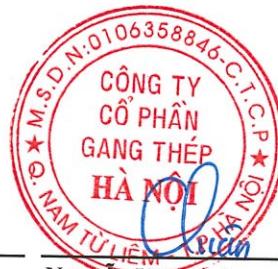
MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.711.617.888	22.882.325.313
I. Nợ ngắn hạn	310		40.711.617.888	22.882.325.313
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		598.865.169	297.315.454
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.551.448.222	710.954.040
3. Phải trả người lao động	314		187.702.622	140.061.500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		135.000.000	32.546.305
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		38.238.601.875	21.701.448.014
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.646.276.358	54.479.837.027
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	60.646.276.358	54.479.837.027
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.646.276.358	4.479.837.027
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.479.837.027	(77.198.324)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.166.439.331	4.557.035.351
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		101.357.894.246	77.362.162.340

Đoàn Thị Bích Huệ
Người lập

Đinh Thị Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	260.147.830.390	256.888.119.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		260.147.830.390	256.888.119.600
4. Giá vốn hàng bán	11	18	245.738.389.475	248.226.434.518
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.409.440.915	8.661.685.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	39.376.555	2.430.993
7. Chi phí tài chính	22	20	1.073.204.598	1.113.591.575
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.073.204.598	1.113.591.575
8. Chi phí bán hàng	25		1.375.482.672	1.470.467.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	4.225.462.132	2.674.214.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.774.668.068	3.405.842.184
11. Thu nhập khác	31		90.451	112.488
12. Chi phí khác	32		37.726.127	5.165.547
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(37.635.676)	(5.053.059)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.737.032.392	3.400.789.125
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.570.593.061	663.653.188
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>6.166.439.331</u>	<u>2.737.135.937</u>



Đoàn Thị Bích Huệ
Người lập

Đinh Thị Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.737.032.392	3.400.789.125
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		709.287.593	786.210.958
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.376.555)	(2.430.993)
- Chi phí lãi vay	06		1.073.204.598	1.113.591.575
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.480.148.028	5.298.160.665
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.834.729.738	(213.186.896)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.196.461.372)	(5.055.889.179)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		485.045.998	(577.610.812)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		156.482.785	46.843.061
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.105.750.903)	(1.113.591.575)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(730.954.040)	(852.919.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.923.240.234	(2.468.193.870)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(91.809.091)	(120.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.900.000.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		400.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.376.555	2.430.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.552.432.536)	(117.569.007)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
0. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		76.953.372.975	49.457.594.700
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(60.416.219.114)	(47.125.550.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.537.153.861	2.332.043.803

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.092.038.441)	(253.719.074)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.387.598.485	7.009.419.273
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>295.560.044</u>	<u>6.755.700.199</u>

Đoàn Thị Bích Huệ
Người lập

Đinh Thị Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 01060358846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 50.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 50.000.000.000 đồng; tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 30 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 02 - 04 năm |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	130.902.485	205.343.649
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	164.657.559	7.182.254.836
	295.560.044	7.387.598.485

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần TM & DV Bắc Việt Green	Hà Nội	40,00%	40,00%	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘISố 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH 2HC Việt Nam	887.938.900	6.355.375.000
Công ty TNHH TM và DV Bắc Việt Green	1.861.231.250	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.231.216.800	11.385.545.225
	3.980.386.950	17.740.920.225

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kinh doanh TM Hải Lâm	3.980.483.400	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Kim Khí HTM	7.850.739.950	-	7.000.001.000	-
Trả trước khác	3.067.991.000	-	10.986.533.346	-
	14.899.214.350	-	23.986.534.346	-

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Ngọc Quyên	500.000.000	-
	500.000.000	-

10 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	25.000.000	-	25.000.000	-
	25.000.000	-	25.000.000	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.689.953.612	-	-	-
Thành phẩm	17.401.628.390	-	-	-
Hàng hoá	16.587.682.004	-	21.482.802.634	-
	42.679.264.006	-	21.482.802.634	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	1.919.732.304	6.486.209.764	319.218.182	8.725.160.250
Mua sắm	-	-	91.809.091	91.809.091
Tại ngày 30/09/2021	1.919.732.304	6.486.209.764	411.027.273	8.816.969.341
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	112.462.964	3.514.069.335	100.464.015	3.726.996.314
Trích khấu hao	36.612.945	610.146.051	62.528.597	709.287.593
Tại ngày 30/09/2021	149.075.909	4.124.215.386	162.992.612	4.436.283.907
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	1.807.269.340	2.972.140.429	218.754.167	4.998.163.936
Tại ngày 30/09/2021	1.770.656.395	2.361.994.378	248.034.661	4.380.685.434

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	466.904.696	466.904.696
Tại ngày 30/09/2021	466.904.696	466.904.696
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	466.904.696	466.904.696
Tại ngày 30/09/2021	466.904.696	466.904.696

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	104.123.224	-
Tiền thuê kho và văn phòng	169.963.637	300.000.000
Phí bảo hiểm	30.000.000	39.926.773
	304.086.861	339.926.773
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa	168.014.936	280.024.895
Công cụ dụng cụ xuất dùng	103.236.294	113.260.419
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.391.211	-
	272.642.441	393.285.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	97.474.310	97.474.310	-
Thuế Thu nhập doanh ngh	710.954.040	1.570.593.061	730.954.040	1.550.593.061
Thuế Thu nhập cá nhân	-	22.734.888	21.879.727	855.161
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	710.954.040	1.694.802.259	854.308.077	1.551.448.222

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
09 tháng đầu năm 2020			
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	1.989.285.608	51.989.285.608
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	2.737.135.937	2.737.135.937
Tại ngày 30/09/2020	50.000.000.000	4.726.421.545	54.726.421.545
09 tháng đầu năm 2021			
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	4.479.837.027	54.479.837.027
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	6.166.439.331	6.166.439.331
Tại ngày 30/09/2021	50.000.000.000	10.646.276.358	60.646.276.358

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/09/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Vốn góp của Nguyễn Văn Quân	13,00%	6.500.000.000	13,00%	6.500.000.000
Vốn góp của Nguyễn Thị Thắm	0,80%	400.000.000	0,80%	400.000.000
Vốn góp của Nguyễn Mậu Hoàng	0,00%	-	0,80%	400.000.000
Cổ đông khác	86,20%	43.100.000.000	85,40%	42.700.000.000
	100%	50.000.000.000	100%	50.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	09 tháng đầu năm 2021 VND	09 tháng đầu năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***d) Cổ phiếu**

	30/09/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	09 tháng đầu năm 2021	09 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	260.147.830.390	256.888.119.600
	260.147.830.390	256.888.119.600

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	09 tháng đầu năm 2021	09 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	245.738.389.475	248.226.434.518
	245.738.389.475	248.226.434.518

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	09 tháng đầu năm 2021	09 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	39.376.555	2.430.993
	39.376.555	2.430.993

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	09 tháng đầu năm 2021	09 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.073.204.598	1.113.591.575
	1.073.204.598	1.113.591.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**


	09 tháng đầu năm 2021	09 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	814.232.696	292.102.096
Chi phí nhân công	1.898.298.238	854.908.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	709.287.593	521.585.083
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.500.000
Chi phí khác bằng tiền	799.643.605	1.001.119.585
	4.225.462.132	2.674.214.764


22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020, đã được lập bởi công ty.


Đoàn Thị Bích Huệ
Người lập


Đinh Thị Mai
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021